

Số: /ĐHQGHN-ĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

V/v điều chỉnh, cập nhật thông tin các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong Hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN

Kính gửi: Các đơn vị đào tạo

Ngày 03 tháng 02 năm 2017 Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) đã ban hành Hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN về việc tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ tại ĐHQGHN.

Căn cứ đề xuất chuyên môn của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN tại công văn số 1593/ĐHNN-ĐT và để phù hợp với thực tế, ĐHQGHN điều chỉnh, cập nhật *Phụ lục 2 của Hướng dẫn 297/HD-ĐHQGHN* và thống nhất áp dụng chuẩn đầu ra học phần ngoại ngữ các chương trình đào tạo bậc đại học, thạc sĩ của ĐHQGHN như sau:

Phụ lục 2. Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ

Tiếng Anh

Trình độ <i>(theo Khung năng lực NNVN)</i>	TOEFL	TOEIC	Cambridge Tests (0-230)	IELTS (0-9.0)
Bậc 3	460 ITP 45 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	140 - dưới 160 (PET)	4.5-5.0
Bậc 4	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	160 - dưới 180 (FCE)	5.5-6.0
Bậc 5	627 ITP 95 iBT	Reading 455 Listening 490 Speaking 180 Writing 180	180 - dưới 200 (CAE)	6.5-8.0
Bậc 6	-	-	200 – 230 (CPE)	8.5-9.0

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

- **TOEFL ITP, TOEFL iBT, TOEIC:** Các bài thi tiếng Anh của Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ.
- **Cambridge tests:** Các bài thi tiếng Anh của Hội đồng khảo thí tiếng Anh Cambridge English Language Assessment, Đại học Cambridge, Vương quốc Anh.
- **IELTS:** Bài thi tiếng Anh của Hội đồng Anh (BC) và Trung tâm Giáo dục Quốc tế Úc (IDP).

Một số thứ tiếng khác (*)

Trình độ (theo Khung năng lực NNVN)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật			Tiếng Hàn
					JLPT (0-180)	NAT- TEST (0-180)	J-TEST (0-1000)	
Bậc 3	TRKI 1	DELFB1 TCF B1	B1 ZD DSD I	HSK 3 và HSK K trung cấp	JLPT N3	3Q	400	TOPIK II Level 3
Bậc 4	TRKI 2	DELFB2 TCF B2	B2 TestDaF 4 DSD II	HSK 4 và HSK K trung cấp	JLPT N2 (90)	2Q (100)	550	TOPIK II Level 4
Bậc 5	TRKI 3	DELFC1 TCF C1	C1 TestDaF 5	HSK 5 và HSK K cao cấp	JLPT N2 (130)	2Q (130)	600	TOPIK II Level 5

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

(*) Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, các đơn vị gửi chứng chỉ đến Trường Đại học Ngoại ngữ để xác định việc quy đổi tương đương.

Việc điều chỉnh Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ đối với bậc đại học và thạc sĩ được áp dụng từ ngày 01/05/2021.

DHQGHN thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VP, ĐT, Th18.

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO**

Nguyễn Đình Đức